TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày: 21-02-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Toàn;

2. Bà Võ Thị Thanh Thủy;

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- ***Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre*** tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 429/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 18a/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Khắc A**, sinh năm 1982 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Ông **Thái Văn G**, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. *Người làm chứng (do nguyên đơn yêu cầu)*:

Ông **Trần Thanh S**, sinh năm 1993 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Khắc A trình bày:

Thông qua ông Trần Thanh S, ông có cho ông G vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ông G điện thoại cho ông hỏi vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và hẹn ông vào ngày 21/10/2022 đến nhà ông S để thỏa thuận việc vay tiền này, ông đồng ý. Vào ngày 21/10/2022, tại nhà ông S, ông cho ông G vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, ông có đưa đủ số tiền này cho ông G.

Lần 02: Ông G điện thoại cho ông hỏi vay tiếp số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và hẹn ông vào ngày 31/10/2022 đến nhà ông S để thỏa thuận việc vay tiền này, ông đồng ý. Vào ngày 31/10/2022, tại nhà ông S, ông cho ông G vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, ông có đưa đủ số tiền này cho ông G.

Cả hai lần vay tiền trên, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Ông có đưa mẫu Giấy mượn tiền cho ông G ghi. Trong 02 Giấy mượn tiền ngày 21/10/2022 và ngày 31/10/2022, chữ viết tay "Ấp T, xã M – TP B" là do ông ghi, là địa chỉ nhà của ông; còn các chữ viết tay còn lại là do ông G ghi. Cuối 02 Giấy mượn tiền trên, dưới mục "Người mượn tiền" ông G có ký tên, ghi rõ họ tên và có lăn tay, tuy nhiên ông không nhớ là ông G lăn ngón tay nào; dưới mục "Người cho mượn" ông có ký tên và ghi rõ họ tên.

Khi vay tiền, ông G có đưa chứng minh nhân dân của ông G cho ông xem, ông có chụp lại, theo đó ông G có số chứng minh nhân dân là 321344961, cấp ngày 16/10/2017, địa chỉ là ấp L, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Ông G có vợ con ở ấp N, xã T, thành phố B, tỉnh Bến Tre nhưng hiện ông G không có sinh sống tại địa chỉ này, hiện ông không biết ông G đang ở đâu.

Từ khi vay tiền đến nay, ông G không có trả tiền lãi và tiền gốc cho ông. Ông đã liên hệ rất nhiều lần nhưng ông G đều tránh né. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu ông G phải trả cho ông số tiền gốc tổng cộng là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Trước đây, ông yêu cầu ông G trả tiền lãi tính từ ngày 31/4/2023 với lãi suất là 1,66%/tháng, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, ông yêu cầu ông G trả tiền lãi tính từ ngày ông G nhận được Thông báo thụ lý vụ án là ngày 17/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/tháng.

Theo bản khai và tại phiên tòa, người làm chứng do nguyên đơn ông Nguyễn Khắc A yêu cầu là ông Trần Thanh S trình bày:

Thông qua ông, ông Khắc A có cho ông G vay tiền 02 lần tại nhà ông đúng như lời trình bày của ông Khắc A. Ông có chứng kiến việc ông G và ông Khắc A ký tên, ghi rõ họ tên, ngoài ra ông G còn lăn tay vào 02 Giấy mượn tiền, chính là 02 Giấy mượn tiền mà ông Khắc A đã cung cấp cho Tòa án và có chứng kiến việc ông Khắc A giao tiền cho ông G. Còn thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả giữa ông Khắc A và ông G, ông không chứng kiến.

Ông cam đoan lời trình bày trên của ông là đúng sự thật, có gì sai trái ông hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn ông G đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và người làm chứng theo yêu cầu của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Theo 02 Giấy mượn tiền ngày 21/10/2022 và ngày 31/10/2022 do ông Khắc A cung cấp có chữ ký tên, ghi rõ họ tên của ông G và ông Khắc A, ngoài ra ông G có lăn tay thì vào ngày 21/10/2022 ông G có vay của ông Khắc A số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và vào ngày 31/10/2022 ông G có vay của ông Khắc A số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Ông Khắc A cho rằng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng, thời hạn trả là 06 tháng. Tuy nhiên, 02 giấy mượn tiền trên không ghi lãi suất, không ghi thời hạn trả. Ông G vắng mặt, ông Khắc A không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, không lãi. Đến nay đã lâu nhưng ông G không trả cho ông Khắc A số tiền trên mặc dù ông Khắc A đã yêu cầu nhiều lần. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông G đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Khắc A nhưng ông G đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Khắc A. Như vậy, ông Khắc A khởi kiện yêu cầu ông G trả số tiền gốc tổng cộng là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/11/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng là có cơ sở. Do đó, căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Khắc A, buộc ông G trả cho ông Khắc A số tiền gốc tổng cộng là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Khắc A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết buộc ông Thái Văn G trả số tiền gốc và số tiền lãi đã vay. Theo 02 Giấy mượn tiền ngày 21/10/2022 và ngày 31/10/2022 thì ông G cư trú tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre, theo Công văn số 09/CV-CAX ngày 21/12/2023 thì Công an xã C xác nhận ông G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng không còn sinh sống tại địa chỉ trên, hiện không rõ ông G đang sinh sống tại đâu. Ông Khắc A cung cấp thêm địa chỉ của ông G là ấp N, xã T, thành phố B, tỉnh Bến Tre, nhưng theo Công văn số 193/CAX ngày 27/12/2023 thì Công an xã T xác nhận ông G không có đăng ký hộ khẩu thường trú, không có đăng ký tạm trú và hiện không có sinh sống tại địa chỉ trên, không rõ đi đâu. Do đó, có căn cứ xác định ông G cố tình giấu địa chỉ.

Như vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông G.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Khắc A:

Theo ông Khắc A trình bày thì vào ngày 21/10/2022 ông G có vay của ông số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và vào ngày 31/10/2022 ông G có vay của ông số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng, thời hạn trả là 06 tháng, đến nay đã lâu nhưng ông G không trả cho ông số tiền trên mặc dù ông đã yêu cầu nhiều lần nên ông khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông Khắc A là 02 Giấy mượn tiền ngày 21/10/2022 và ngày 31/10/2022 do ông Khắc A cung cấp có chữ ký tên, ghi rõ họ tên của ông G và ông Khắc A, ngoài ra ông G có lăn tay thì vào ngày 21/10/2022 ông G có vay của ông Khắc A số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và vào ngày 31/10/2022 ông G có vay của ông Khắc A số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, ông G cam kết hoàn trả đúng số tiền mượn trên, nếu ông G thực hiện sai không đúng như trong giấy mượn tiền, ông G xin bồi thường và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu toàn bộ án phí khi phát sinh tranh chấp. Ông Khắc A cho rằng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng, thời hạn trả là 06 tháng, tuy nhiên 02 giấy mượn tiền trên không ghi lãi suất, không ghi thời hạn trả, ông G vắng mặt, không cung cấp ý kiến, ông Khắc A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, không có lãi, là bản viết tay, không có công chứng hoặc chứng thực. Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định". Điều luật này không quy định bắt buộc về hình thức của hợp đồng vay tài sản và cũng không yêu cầu phải công chứng hoặc chứng thực. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông G đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Khắc A nhưng ông G đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Khắc A. Ngoài ra, người làm chứng theo yêu cầu của ông Khắc A là ông S có xác nhận ông G có vay ông Khắc A số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng vào ngày 21/10/2022 và số

tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng vào ngày 31/1/2022; ông G và ông Khắc A có ký tên, ghi rõ họ tên, ông G còn lăn tay vào 02 Giấy mượn tiền, chính là 02 Giấy mượn tiền mà ông Khắc A đã cung cấp cho Tòa án và ông có chứng kiến việc ông Khắc A giao tiền cho ông G. Như vậy, 02 Giấy mượn tiền ngày 21/10/2022 và ngày 31/10/2022 có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự, từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của ông Khắc A và ông G.

Về số tiền gốc, 02 Giấy mượn tiền ngày 21/10/2022 và ngày 31/10/2022 không ghi thời hạn vay nhưng đến nay đã lâu, mặc dù ông Khắc A đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông G vẫn không trả số tiền đã vay cho ông Khắc A. Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự quy định: "Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Do đó, việc ông Khắc A khởi kiện yêu cầu ông G trả số tiền gốc tổng cộng là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về số tiền lãi, 02 Giấy mượn tiền ngày 21/10/2022 và ngày 31/10/2022 không ghi lãi suất. Khoản 1 Điều 5 và điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: "Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác", "Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết "thời gian hợp lý" đến thời điểm xét xử sơ thẩm. "Thời gian hợp lý" quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 1995, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo". Ông Khắc A không chứng minh được "thời gian hợp lý" mà ông thông báo yêu cầu ông G trả nợ cho ông nên căn cứ vào các quy định trên buộc ông G có nghĩa vụ trả cho ông Khắc A số tiền lãi tính từ ngày ông G nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án là ngày 17/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21/02/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng. Tại phiên tòa, ông Khắc A yêu cầu ông G trả số tiền lãi tính từ ngày 17/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21/02/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi ông G có nghĩa vụ trả cho ông Khắc A là 150.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 03 tháng x 04 ngày = 3.901.000 (ba triệu chín trăm lẻ một nghìn) đồng.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Khắc A, buộc ông G có nghĩa vụ trả cho ông Khắc A tổng cộng số tiền là 150.000.000 đồng + 3.901.000 đồng = 153.901.000 (một trăm năm mươi ba triệu chín trăm lẻ một nghìn) đồng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Khắc A được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 153.901.000 đồng x 5% = 7.695.000 (bảy triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn) đồng do bị đơn ông G phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 357, 463, 466, 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5 và điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Khắc A đối với bị đơn ông Thái Văn G theo hai Giấy mượn tiền ngày 21/10/2022 và ngày 31/10/2022:

Buộc ông Thái Văn G có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Khắc A số tiền tổng cộng là 153.901.000 (một trăm năm mươi ba triệu chín trăm lẻ một nghìn) đồng, trong đó số tiền gốc là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và số tiền lãi là 3.901.000 (ba triệu chín trăm lẻ một nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.695.000 (bảy triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn) đồng, buộc ông Thái Văn G phải nộp.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho ông Nguyễn Khắc A số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002487 ngày 10/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến